

TỔNG QUAN VỀ NGHIÊN CỨU TÍNH TỰ CHỦ TRONG HỌC NGOẠI NGỮ Ở VIỆT NAM

Đinh Thị Hồng Thu*

*Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN,
Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài ngày 23 tháng 08 năm 2017

Chỉnh sửa ngày 12 tháng 09 năm 2017; Chấp nhận đăng ngày 28 tháng 09 năm 2017

Tóm tắt: Bài viết khảo sát thống kê những bài báo về vấn đề tự chủ trong học ngoại ngữ đăng trên các tạp chí và kỷ yếu hội thảo trong nước trong vòng 12 năm trở lại đây (từ 2006 đến 2017). Kết quả khảo sát thống kê cho thấy: (1) nghiên cứu có xu hướng tăng; (2) đối tượng khảo sát nghiên cứu tập trung nhiều vào sinh viên; (3) nội dung nghiên cứu chủ yếu là: giới thiệu, phân tích và bàn luận những thành quả nghiên cứu của nước ngoài; đưa ra biện pháp nâng cao tính tự chủ trong học ngoại ngữ ở Việt Nam; (4) phương pháp nghiên cứu chính là phân tích suy luận; (5) nghiên cứu đang bước vào giai đoạn phát triển. Bài viết cũng đưa ra nhận xét về thực trạng và hướng phát triển của vấn đề nghiên cứu.**

Từ khóa: học ngoại ngữ, nghiên cứu học tập tự chủ, tự học, hiện trạng, hướng phát triển

1. Giới thiệu vấn đề

Học tập tự chủ (autonomous learning), còn được gọi là tự nghiên cứu (self - directed learning) hoặc “người học tự chủ” (learner autonomy), là một khái niệm học tập hiện đại lấy tâm lý học nhân bản và tâm lý học nhận thức làm cơ sở lý luận. Xuất hiện vào những năm 60 thế kỷ 20 ở các nước phương Tây, đến giữa những năm 70 học tập tự chủ nhanh chóng trở thành đề tài hấp dẫn với những nhà nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng, mở ra những vấn đề nghiên cứu trong dạy học ngôn ngữ. Ở nước ta, theo tìm hiểu của chúng tôi, những bài viết đầu tiên có liên quan đến tính tự chủ trong học tập của người học có thể nhắc đến bài báo đăng trên tạp chí *Nghiên cứu giáo dục* số 2 năm 1998 của tác giả Nguyễn Nghĩa Dân với tiêu đề “*Vì năng lực tự học sáng tạo của học sinh*” hay “*Bàn về chuyện tự học*” trên *Kiến thức ngày nay* số 396 năm 2001 của Cao Xuân Hạo.

* ĐT.: 84-903203194

Email: dinhhongthu73@gmail.com

** Nghiên cứu này được thực hiện với sự tham gia tài trợ của Quỹ Sunwah trong đề tài mã số US.16.01

Trong thời đại bùng nổ công nghệ thông tin và sự tăng trưởng kinh tế nhanh chóng như hiện nay, ngoại ngữ giữ vai trò quan trọng vào nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, hội nhập, hợp tác giữa nước ta với thế giới, việc học ngoại ngữ thực sự trở nên vô cùng cần thiết. Đối với thế hệ trẻ, học sinh sinh viên, biết ngoại ngữ không chỉ mở ra nhiều cơ hội việc làm tốt hơn, mà thông qua ngoại ngữ họ còn có thể bổ sung thêm nhiều kiến thức văn hóa xã hội. Mạng Internet, điện thoại thông minh ra đời và phát triển nhanh chóng, đây được coi là nơi cung cấp và lưu trữ lượng thông tin khổng lồ, và nếu biết ngoại ngữ con người có thể nắm bắt kịp thời các thông tin, khai thác các nguồn tri thức phong phú về tất cả các lĩnh vực: chính trị, âm nhạc, khoa học, giáo dục... của các nước trên thế giới. Có thể nói ngoại ngữ chính là cầu nối đến tri thức, mở ra cánh cửa sáng tạo, hướng đến thành công và phát triển cho mỗi cá nhân. Thực tế cho thấy chỉ dựa vào những hoạt động trong giờ học chính quy trên lớp trong môi trường và điều kiện học tập ngoại ngữ trong nước hiện nay thì học

sinh viên sẽ không dễ dàng thích ứng với sự thay đổi không ngừng và yêu cầu ngày một cao về ngoại ngữ của xã hội. Vậy vấn đề tự chủ trong học ngoại ngữ ở nước ta hiện nay đã được quan tâm chú ý như thế nào? Bài viết này sẽ làm rõ đặc điểm thực trạng, nội dung của các nghiên cứu trong nước về tự chủ trong học ngoại ngữ trong khoảng 12 năm trở lại đây, trên cơ sở đó đưa ra những ý kiến và nhận định về hướng phát triển.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số công trình nghiên cứu về tính tự chủ trong học ngoại ngữ ở nước ngoài

Một trong những người đầu tiên chính thức đưa khái niệm học tập tự chủ đến với dạy học ngoại ngữ là Henri Holec. Năm 1981, Holec xuất bản cuốn “Autonomy and foreign language learning” - “Tính tự chủ với việc học ngoại ngữ” (Oxford: Pergamon Press, 1981) trình bày về nội hàm và thực tiễn khái niệm tự chủ trong học ngoại ngữ. Ngay sau đó, làn sóng “học tập tự chủ” không ngừng lan tỏa, cho đến cuối những năm 80 nghiên cứu lý luận tự chủ trong học ngoại ngữ đã gặt hái được những thành quả nhất định, với những đóng góp của Dickinson (1978), Bound (1988), Ellis và Sinclair (1989)... Những nghiên cứu trong giai đoạn đầu này của các học giả phương Tây đều chú trọng đến phân định khái niệm; phương pháp bồi dưỡng năng lực học tập độc lập và tự chủ cho người học. Đầu những năm 90, ngoài những nghiên cứu về cơ sở lý luận, nghiên cứu ứng dụng và kết quả thực tế, các nhà nghiên cứu phương Tây cũng bắt đầu chuyển trọng tâm sang nghiên cứu những yếu tố chính trị, văn hóa, tâm lý... trong quá trình hình thành tính tự chủ khi học ngôn ngữ, đồng thời cũng nhấn mạnh lại tầm quan trọng của hình thức học tập xã hội hóa và học tập hợp tác, những nội dung nghiên cứu này được thể hiện trong các nghiên cứu của Little (1991), Wenden (1991), McGarry (1995), Broady và Kenning (1996), Benson

& Voller (1997)... Sang thế kỷ 21, các hướng nghiên cứu tiếp tục được phát triển sâu rộng hơn, trong đó nhận thức, vai trò của người dạy là một trong những vấn đề được chú ý đến nhiều, điển hình là những nghiên cứu của Benson (2000), Aoki (2002), Little (2003)...

Có thể nói rằng, vấn đề tự chủ trong học ngoại ngữ được các học giả nước ngoài chú ý đến từ rất sớm, nội dung của các nghiên cứu rất đa dạng, nhiều góc độ, tầng bậc, từ khái niệm, định nghĩa, đến cơ sở lý luận; điều kiện, những yếu tố ảnh hưởng đến tính tự chủ trong quá trình học ngoại ngữ; đặc điểm của người học có tính tự chủ, vai trò của người dạy với tính tự chủ của người học; khả năng hình thành tính tự chủ và khả năng thích ứng trong môi trường văn hóa khác nhau của người học; nội dung, phương pháp, chiến lược rèn luyện tính tự chủ cho người học.

2.2. Tổng hợp tình hình nghiên cứu về tự chủ trong học ngoại ngữ trong nước

2.2.1. Số liệu khảo sát thống kê

Bài viết khảo sát thống kê các bài báo đăng trên các tạp chí (chủ yếu là các tạp chí về chuyên ngành giáo dục, dạy học, dạy học ngoại ngữ) và kỷ yếu hội thảo khoa học trong nước có liên quan đến tự chủ trong dạy học ngoại ngữ trong hơn 10 năm trở lại đây (từ tháng 01 năm 2006 đến tháng 6 năm 2017). Chúng tôi chú ý lấy mốc thời gian quanh năm 2007 (2007 ±1) với lí do là từ 2007, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (QĐ số 43/2007/QĐ-BGDĐT) và tự chủ trong học tập chính là một kỹ năng cần có của sinh viên khi tham gia chương trình đào tạo theo hình thức tín chỉ.

Kết quả khảo sát thống kê cho thấy, trong số hơn mười tạp chí và kỷ yếu hội thảo khoa học chúng tôi tìm thấy 20 bài có nội dung liên quan đến tự chủ trong dạy học ngoại ngữ. Các bài viết được đăng ở 08 tạp chí, tập trung vào 03 tạp chí ngoại ngữ, 03 kỷ yếu khoa học về

dạy học ngoại ngữ uy tín trong nước, mang tính điển hình cao, phản ánh đúng thực trạng của vấn đề (Bảng 1).

Bên cạnh đó, theo tìm hiểu của chúng tôi, có một số bài báo viết về nội dung tự chủ trong học ngoại ngữ ở Việt Nam được đăng trên tạp chí nước ngoài (02 bài), tăng tổng số các bài báo lên con số 22. Thông thường đây là những bài viết bằng tiếng nước ngoài (tiếng Anh) trong thời gian học tập và nghiên cứu tại nước ngoài của nghiên cứu sinh Việt Nam. Ngoài ra còn có 03 luận án tiến sĩ bằng tiếng Anh của tác giả Trịnh Quốc Lập “Stimulating Learner Autonomy in English language Education: A Curriculum Innovation Study in a Vietnamese Context” (Unpublished Ph.D dissertation: University of Amsterdam, 2005); Nguyễn Thị Cẩm Lệ “Learner Autonomy and EFL learning at the Tertiary Level in Vietnam” (Unpublished Ph.D dissertation: Victoria University of Wellington, 2009); Lê Xuân Quỳnh “Fostering learner autonomy in language learning in tertiary education: an intervention study of university students in Hochiminh City, Vietnam (Thesis submitted to the University of Nottingham for the degree of Doctor of Philosophy JUNE 2013).

2.2.2. Tiêu chí thống kê

Trong quá trình khảo sát chúng tôi chủ yếu căn cứ vào các tiêu chí như sau để thống kê và phân loại:

Tiêu chí 1: chú ý đến thời gian công bố bài báo để nhìn nhận tiến trình phát triển của vấn đề nghiên cứu;

Tiêu chí 2: xem xét các đối tượng được điều tra khảo sát trong các bài báo để hiểu được đối tượng trọng điểm của vấn đề nghiên cứu;

Tiêu chí 3: tìm hiểu nội dung các bài báo, để tổng hợp và phân loại được các vấn đề nghiên cứu;

Tiêu chí 4: xác định các phương pháp nghiên cứu của các bài báo chỉ ra những phương pháp chính đã được sử dụng trong các nghiên cứu.

2.2.3. Phân tích kết quả thống kê

Dựa vào những tiêu chí nêu trên chúng tôi tiến hành thống kê phân loại những bài báo sưu tầm được, kết quả thống kê như sau:

(1) *Nghiên cứu về tự chủ trong học ngoại ngữ trong những năm gần đây có chiều hướng tăng lên*

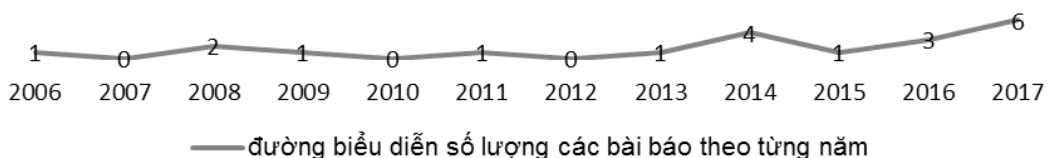
Bảng 1. Bảng thống kê số bài báo trên các tạp chí trong nước về tự chủ trong dạy học ngoại ngữ (2006-2017)

Tên tạp chí	Năm công bố													Tổng cộng	Tỷ lệ %	
	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17				
Nghiên cứu Nước ngoài Trường ĐHNN ĐHQGHN						1									1	5
Khoa học ngoại ngữ Trường ĐH Hà Nội								1	2		2				5	25
Thông báo khoa học Trường ĐH Huế			1												1	5
Khoa học Trường ĐH Cần Thơ									1						1	5
Ngôn ngữ và Đời sống												1			1	5
Giáo dục									1		1	1			3	15
Thiết bị giáo dục													2		2	10
Kỹ yếu hội thảo khoa học	1		1	1						1		2			6	30
Tổng cộng	1	0	2	1	0	1	0	1	4	1	3	6		20		
Tỷ lệ %	5	0	10	5	0	5	0	5	20	5	15	30				

Số liệu thống kê từ bảng 1 cho thấy, những nghiên cứu về tự chủ trong học ngoại ngữ trong những năm gần đây có chiều hướng tăng lên. Theo chúng tôi, đây là tín hiệu đáng mừng vì điều này chứng tỏ rằng, thấy rõ được tầm quan trọng của ngoại ngữ trong thời đại bùng nổ công nghệ thông tin và sự tăng trưởng kinh tế nhanh chóng như hiện nay ở nước ta, các nhà quản lý, nghiên cứu, và đặc biệt là đội ngũ giảng viên ngoại ngữ ở các trường đại học ngày càng quan tâm hơn đến vấn đề “làm thế nào để bồi dưỡng và nâng cao tính tự chủ trong học ngoại ngữ cho sinh viên?”. Trước mốc năm 2007 (thời điểm Bộ GDĐT ban hành quyết định thực hiện đào tạo theo hình thức tín chỉ), năm 2006 có một bài viết đăng kỷ yếu hội thảo), 10 năm tiếp theo tổng số nghiên cứu mà chúng tôi thống kê được là 13 bài, đặc biệt riêng trong năm 2017 số lượng tăng rõ rệt, có số bài nhiều nhất trong vòng 12 năm trở lại đây: 06 bài (chiếm 30% trên tổng số bài được thống kê), điều này được thể hiện rõ trong hình 1 (H1).

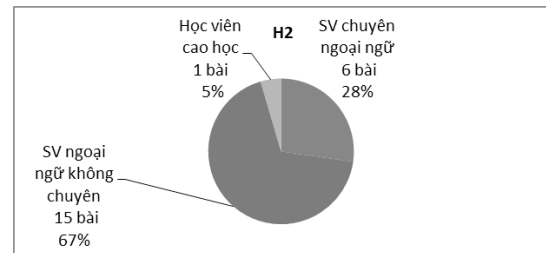
Bảng thống kê 1 cũng cho thấy các bài nghiên cứu về tự chủ trong học ngoại ngữ được đăng nhiều nhất trên kỷ yếu khoa học (cấp quốc gia, cấp trường): 06 bài, chiếm 30% tổng số bài được thống kê. Tiếp sau là Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ của Trường Đại học Hà Nội, một trường đại học vốn có thế mạnh về đào tạo ngoại ngữ: 05 bài (25%) và tiếp nữa là Tạp chí Giáo dục: 03 bài (15%), trong hai năm lại đây 2016-2017, mỗi năm 01 bài.

H1



Hình 1 (H1). Thống kê số lượng các bài báo về tự chủ trong học ngoại ngữ trên tạp chí và kỷ yếu hội thảo (2006-2017)

(2) Đối tượng được khảo sát nghiên cứu tập trung vào sinh viên ở các trường đại học trong nước, đặc biệt là nhóm đối tượng sinh viên ngoại ngữ không chuyên

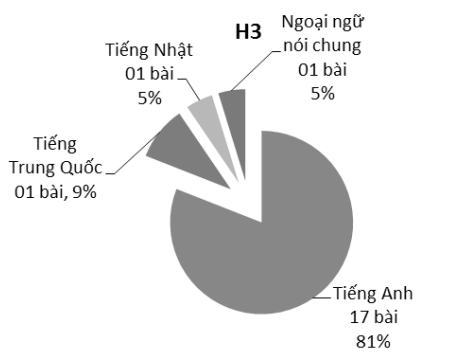


Hình 2 (H2). Thống kê các đối tượng khảo sát nghiên cứu của các bài viết về tự chủ trong học ngoại ngữ (2006-2017)

Hình 2 (H2) cho thấy rõ những nghiên cứu chủ yếu nhắm đến nhóm sinh viên học ngoại ngữ không chuyên ở các trường đại học và cao đẳng, chiếm tỷ lệ 67% trên tổng số những nghiên cứu trong thống kê lần này. Tính tự chủ trong học ngoại ngữ của nhóm sinh viên chuyên ngoại ngữ (ngoại ngữ là chuyên ngành đào tạo) cũng được các thầy cô trực tiếp đứng lớp quan tâm tìm hiểu, nhóm đối tượng này chiếm gần 20% trong tổng số các nghiên cứu. Duy nhất có 01 nghiên cứu khảo sát cả sinh viên ngoại ngữ chuyên ngành và học viên cao học (Nguyễn Thanh Vân, 2011). Số liệu thống kê lần này chỉ ra rằng tính tự chủ trong học ngoại ngữ của nhóm sinh viên học ngoại ngữ không chuyên, hay nói cách khác ngoại ngữ không phải là chuyên ngành hoặc là môn phụ được quan tâm chú ý nhiều nhất.

Trong những nghiên cứu chúng tôi đã thống kê lần này, tiếng Anh là ngoại ngữ được đề cập đến nhiều nhất, 16 bài, chiếm hơn 80%, tiếp sau

đó là tiếng Trung Quốc, 02 bài (9%), tiếng Nhật 01 bài (5%) và một bài không nói đến một ngoại ngữ xác định nào. Điều này cũng không khó lý giải bởi tiếng Anh, với vị thế quan trọng của nó (là ngôn ngữ chính thức của nhiều tổ chức thế giới như Liên Hiệp Quốc UNDP, Tổ chức thương mại thế giới WTO, Liên minh châu Âu EU, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á ASEAN...), hiện nay, ở nước ta, tiếng Anh là ngoại ngữ được dạy phổ biến nhất ở các cấp học và ngành học.



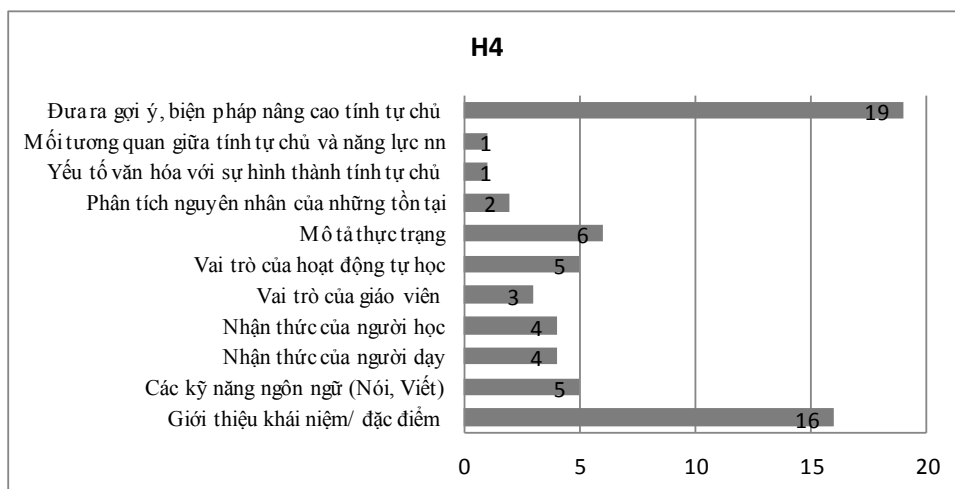
Hình 3 (H3). Thống kê các ngoại ngữ được đề cập đến trong các nghiên cứu về tự chủ trong học ngoại ngữ

(3) Nội dung của các nghiên cứu phong phú đa dạng

Số liệu thống kê của Hình 4 (H4) cho thấy, các nghiên cứu đề cập đến nhiều nội dung khác nhau, trong đó giới thiệu về khái niệm, đặc điểm cũng như các thành tựu nghiên cứu của các học giả nước ngoài, dựa trên cơ sở đó tiến hành nghiên cứu khảo sát thực trạng và đưa ra những biện pháp bồi dưỡng và nâng cao tính tự chủ trong học ngoại ngữ cho sinh viên trong môi trường và điều kiện của đơn vị đào tạo là hai nội dung chính, xuất hiện trong hầu hết các nghiên cứu. Kết quả các nghiên cứu này chỉ ra: nhận thức đóng vai trò vô vùng quan trọng, giáo viên cần giúp học sinh nhận thức ra giá trị, quyền lợi cũng như trách nhiệm tự chủ trong học đại học nói chung và học ngoại ngữ nói riêng.

Bên cạnh đó nhiều nghiên cứu lấy nội dung tự học làm trọng tâm, bởi các tác giả Đào Thị Kim Nhung (2017), Đậu Thị Giang Minh (2017), Thái Bửu Tuệ, Lê Hoàng Kim (2017) đều nhìn nhận tự học là một biểu hiện tích cực của tính tự chủ. Chúng tôi đồng thuận theo quan điểm này.

Kết quả thống kê lần này còn cho thấy, nhiều nghiên cứu chú trọng đến bồi dưỡng tính tự chủ trong học các kỹ năng ngoại ngữ (chủ yếu là các kỹ năng diễn đạt, nói: 02 bài; viết:



Hình 4 (H4). Thống kê các nội dung cụ thể của các nghiên cứu về tự chủ trong học ngoại ngữ (2006-2017)

02 bài, dịch nói: 01 bài) nhắm tới cả hai nhóm sinh viên chuyên và không chuyên ngoại ngữ. Phạm Thị Phượng (2016) trong bài viết với nhan đề “Hình thành và nâng cao tính tự chủ

của sinh viên trong việc học tiếng Anh” đã giới thiệu một Chương trình hành động rất cụ thể, được trình bày dưới hình thức một giáo án. Tác giả cũng khẳng định “*tính tự chủ cũng như khả năng nói tiếng Anh của sinh viên được nâng cao sau khi áp dụng chương trình hành động*”.

Nhìn vấn đề từ góc độ của người dạy cũng là vấn đề được nhiều học giả quan tâm tới, trong đó đáng chú ý là kết quả nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thanh Vân (2011) “*the results show that the concept of learner autonomy is still alien to both the students and the teachers although the former do want to change their current learning situation*” hay “*teachers have not yet felt the need to turn students into responsible, autonomous learners*” (“*kết quả cho thấy khái niệm về tính tự chủ của người học vẫn còn xa lạ đối với cả sinh viên và giáo viên dù những người đi trước luôn muốn thay đổi tình trạng học tập hiện tại*” hay “*giáo viên vẫn chưa cảm thấy cần phải giúp sinh viên trở thành những người học tự chủ, có trách nhiệm*”). Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả Nguyễn Văn Lợi, Chung Thị Thanh Hằng, Trương Nguyễn Quỳnh Như và Phạm Thị Mai Duyên (2014) cho thấy tình hình của nhóm đối tượng được điều tra trong bài viết (giảng viên một số trường đại học khu vực phía Nam) có khả quan hơn “*giảng viên tiếng Anh tại một số trường đại học có nhận thức cao về phát triển khả năng tự chủ cho sinh viên tiếng Anh theo hướng phát triển các kỹ năng tự học và làm việc nhóm*”.

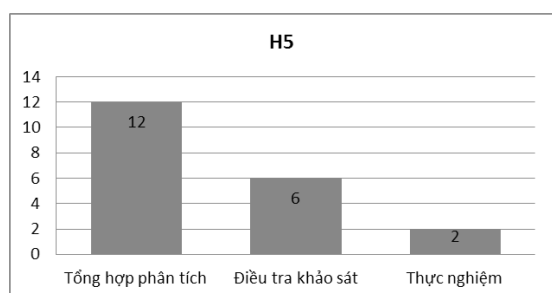
Một số nghiên cứu tập trung vào phía người học - sinh viên. Một trong những điều đáng quan tâm là sinh viên “*bắt đầu ý thức được tầm quan trọng của tính tự chủ trong học đại học, xong mới chỉ dừng lại trong nhận thức, chưa thể hiện ra bằng những hành vi tích cực, sức ỳ trong học tập lớn, thiếu tự giác, tự chủ; Những khó khăn chủ yếu hiện nay sinh viên đang phải đối mặt là: kém hiểu biết về môi trường học đại học; chưa xác định được mục tiêu học tập rõ ràng; thiếu phương pháp học*” (Đinh Thị Hồng Thu, 2017).

Những nội dung nghiên cứu có nội dung chuyên biệt là mối tương quan giữa tính tự chủ

và năng lực ngoại ngữ; phân tích vai trò quan trọng của giáo viên trong môi trường dạy học có sự hỗ trợ của công nghệ (CALL-Computer-Assisted Language Learning); yếu tố văn hóa trong sự hình thành tính tự chủ cho người học ngoại ngữ... Kết quả của những nghiên cứu này chỉ ra “*năng lực tiếng Anh có mối quan hệ tương quan với tính tự chủ học tập, nhưng không quan hệ tương quan với động cơ học tập. Tính tự chủ học tập đóng vai trò là biến tác động trung gian giữa động cơ học tập và năng lực tiếng Anh*” (Đỗ Phúc Hường & Huỳnh Hữu Điền, 2015); “*thay đổi quan điểm của người dạy và người học về vai trò của mình trong quá trình học không phải dễ thực hiện trong bối cảnh văn hóa phương Đông. Để người học ngoại ngữ thêm chủ động trong học tập đòi hỏi cả người dạy và người học đều phải sẵn sàng chấp nhận thay đổi vị trí và vai trò của mình*” (Nguyễn Quang Vịnh, 2014).

(4) Phương pháp nghiên cứu mang tính chất suy diễn và quy nạp nhiều hơn là khảo nghiệm

Hình 5 (H5) cho thấy trong 03 phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng trong các nghiên cứu gồm phân tích tổng hợp, điều tra khảo sát và thực nghiệm thì phương pháp phân tích tổng hợp được sử dụng nhiều nhất:



Hình 5 (H5). Thống kê các phương pháp nghiên cứu của những nghiên cứu về tự chủ trong học ngoại ngữ (2006-2017)

3. Kết luận

Dựa vào kết quả khảo sát thống kê lần này, có thể khẳng định rằng trong hơn 10 năm qua, những nghiên cứu về tự chủ trong học ngoại ngữ ở nước ta đã có những động thái và tiến triển tích

cực. Mục đích của những nghiên cứu đều nhằm phát huy tính tự chủ trong học ngoại ngữ cho sinh viên các trường đại học, nâng cao hiệu quả dạy học ngoại ngữ. Tuy vậy chúng tôi cho rằng cũng còn một vài vấn đề cần suy nghĩ thêm:

Thứ nhất, so với nước ngoài, khởi đầu của chúng ta muộn hơn, thành tựu nghiên cứu trong nước chưa nhiều. Theo tìm hiểu của chúng tôi, ngoài những bài viết đăng trên các tạp chí và hội thảo khoa học, cho đến nay chưa thấy cuốn sách (sách chuyên khảo, sách tham khảo) nào về tự chủ trong học ngoại ngữ đã xuất bản.

Thứ hai, đối tượng được khảo sát nghiên cứu chủ yếu chỉ tập trung vào sinh viên các trường đại học, nhóm đối tượng là học sinh trung học và tiểu học chưa được chú ý đến.

Thứ ba, những nội dung nghiên cứu như chúng tôi đã giới thiệu ở trên cần được đào sâu thêm (mối quan hệ giữa tính tự chủ và năng lực ngoại ngữ mới chỉ có Đỗ Phúc Hương & Huỳnh Hữu Điền (2015) nghiên cứu; yếu tố văn hóa và tính tự chủ mới chỉ có Nguyễn Quang Vịnh (2014) quan tâm). Bên cạnh những nội dung đã được nghiên cứu, chúng tôi cho rằng còn có thể khai thác những nội dung mang tính ứng dụng cao như những yếu tố (chủ quan và khách quan) ảnh hưởng đến việc hình thành và phát triển năng lực tự chủ trong học ngoại ngữ của người học; mối quan hệ giữa năng lực tự chủ trong hoạt động dạy của người dạy với người học; rèn luyện tính tự chủ trong học các kỹ năng ngoại ngữ trong môi trường và điều kiện học ngoại ngữ trong nước...

Thứ tư, các nghiên cứu chủ yếu thiên về nghiên cứu mang tính phân tích suy luận, kết quả của những nghiên cứu cần được vận dụng và khảo nghiệm qua thực tế để khẳng định tính khả thi và độ tin cậy.

Chúng tôi cho rằng, trong những năm tới, đề tài tự chủ trong học ngoại ngữ sẽ tiếp tục nhận được ngày càng nhiều sự quan tâm chú ý của giới dạy học ngoại ngữ trong nước. Phạm vi nghiên cứu của vấn đề sẽ được khai thác sâu rộng hơn; đối tượng được khảo sát nghiên cứu sẽ được mở

rộng đến học sinh trung học và tiểu học; có nhiều hơn nữa những nội dung nghiên cứu xuất phát từ yêu cầu của thực tế dạy học ngoại ngữ trong nước; kết quả nghiên cứu có sự kết hợp giữa lý luận và thực tiễn với chất lượng cao.

Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

- Nguyễn Thị Hà (2016). Phát huy tính tự chủ của người học trong những lớp học kỹ năng viết tiếng Anh. Tạp chí *Khoa học ngoại ngữ*, Trường Đại học Hà Nội, số 48, tr.32.
- Phạm Thủy Hồng (2014). Bồi dưỡng năng lực tự chủ trong học tập kỹ năng nói cho sinh viên Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc Trường ĐHNNDH-QGHN, Tạp chí *Giáo dục* 10/2014.
- Đỗ Phúc Hương & Huỳnh Hữu Điền (2015). Tính chủ động và động cơ học ngoại ngữ nhìn từ quan điểm sinh viên: một nghiên cứu định lượng ở trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng yên. Kỳ yếu Hội thảo khoa học quốc gia *Đổi mới phương pháp dạy học và công tác kiểm tra đánh giá tiếng Anh đảm bảo chất lượng đầu ra của sinh viên các cơ sở giáo dục chuyên nghiệp các tỉnh, thành phố miền Bắc*, tr.14.
- Đậu Thị Giang Minh (2017). Tích cực hóa quá trình tự học ngoại ngữ của học viên các trường đại học quân đội. Tạp chí *Thiết bị giáo dục*, số 143 (2) tr. 92.
- Nguyễn Văn Lợi, Chung Thị Thanh Hằng, Trương Nguyễn Quỳnh Như và Phạm Thị Mai Duyên (2014). Nâng cao khả năng tự chủ trong học tập cho sinh viên tiếng Anh – Nhận thức của giảng viên tiếng Anh tại một số trường đại học, Tạp chí *Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, số 33, tr. 75.
- Đào Thị Kim Nhung (2017). Nâng cao năng lực tự học của sinh viên góp phần đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ khi học môn tiếng Anh ở Trường Đại học Tây Bắc, Tạp chí *Thiết bị giáo dục*, số 147.2, tr. 42.
- Phạm Thị Phương (2016). Hình thành và nâng cao tính tự chủ của sinh viên trong việc nói tiếng Anh, Tạp chí *Khoa học ngoại ngữ* - Trường Đại học Hà Nội, số 49 tr. 64.
- Đinh Thị Hồng Thu (2017). Tình hình tự chủ trong học tập của sinh viên khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc trường ĐHNNDH-QGHN, Kỳ yếu Hội thảo quốc gia 2017: *Nghiên cứu và giảng dạy ngoại ngữ, ngôn ngữ và quốc tế học tại Việt Nam*, tr. 347.
- Thái Bửu Tuệ, Lê Hoàng Kim (2017). Nâng cao năng lực tự học cho sinh viên học tiếng Anh tại trường ĐH Thủ Dầu Một. Tạp chí *Ngôn ngữ và Đời sống*, số 5(259) tr. 26.
- Dương Thị Thúy Uyên (2009). Đề sinh viên có thể tự học tốt môn tiếng Anh. Kỳ yếu Hội thảo khoa học *Môn học tiếng Anh thương mại tại trường ĐHKHT TPHCM với lộ trình đạt chuẩn TOEIC*, tr. 26.
- Hoàng Văn Vân (2010). *Dạy tiếng Anh không chuyên ở các trường đại học Việt Nam: Những vấn đề lý luận và thực tiễn*. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Nguyễn Quang Vinh (2014). Nâng cao tính tự chủ của người học ngoại ngữ tại Việt Nam. Tạp chí *Khoa học ngoại ngữ* - Trường Đại học Hà Nội, số 38, tr.93.
- Nguyễn Quang Vinh (2014). Nâng cao tính tự chủ của người học thông qua CALL - Vai trò quan trọng của giáo viên để đảm bảo thành công. Tạp chí *Khoa học ngoại ngữ* - Trường Đại học Hà Nội, số 40, tr.27.
- Lương Hải Yến (2013). Khảo sát tính chủ động của sinh viên trong hoạt động tự luyện dịch nói. Tạp chí *Khoa học ngoại ngữ* - Trường Đại học Hà Nội, số 35, tr.112.
- Kỷ yếu Hội thảo khoa học (2006). *Tìm kiếm biện pháp kích thích sinh viên tích cực và chủ động học tiếng Anh*, Trường Đại học Ngoại ngữ kinh tế Tp. Hồ Chí Minh. (<http://nnkt.uet.edu.vn/index.php/2016/09/06/ky-yeu-hoi-thao-khoa-hoc-qua-cac-nam/#2006>)
- Kỷ yếu Hội thảo quốc gia (2017). *Nghiên cứu và giảng dạy ngoại ngữ, ngôn ngữ và quốc tế học tại Việt Nam*, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế (2014). *Chiến lược học ngoại ngữ trong xu thế hội nhập*, kỷ niệm 55 năm thành lập trường Đại học Hà Nội. (<http://hanu.vn/sc/images/data/Ky-yeu-HTQT-11Oct2014.PubEd.pdf>)
- Tiếng Anh**
- Aoki N (2002). Aspects of teacher autonomy: capacity, freedom and responsible. In P. Benson and S. Toogood *Learner autonomy 7 challenges, research and practice*. Dublin, Ireland: Authentik.
- Benson P. & P. Voller (1997). *Autonomy and independence in language learning*. London: Longman.
- Benson P. (2000). Autonomy as a learner's and teacher's right. In B. Sinclair, I. McGrath and T.Lamb *Learner autonomy, teacher autonomy: future direction*. Harlow: Longman.
- Bound, D. (1988). *Developing student autonomy in learning*. London: Kogan Page.
- Broady & Kenning, M (1996). *Promoting learner autonomy in university language teaching*. London: Association for French Studies in association with the Center for Information on Language Teaching and Research.
- Dickinson, L (1987). *Self-instruction in language learning*. Cambridge: Cambridge University Press.
- Ellis & Sinclair (1989). *Learning to Learn English*. Cambridge: C.U.P.
- Little D (1991). *Learner autonomy 1: Definitions, issues and problems*. Dublin: Authentik.
- Little, D (2003). *Learner autonomy and second/foreign language learning*. <http:// Good Practice Guide LTSN Subject Center for Languages, Linguistics and Area Studies.htm>.
- McGarry (1995). *Learner Autonomy 4: The Role of Authentic Texts*. Dublin: Authentik.
- Lê Xuân Quỳnh (2013). *Fostering learner autonomy in language learning in tertiary education: an intervention study of university students in Hochiminh city, Vietnam*. Thesis submitted to the University of Nottingham for the degree of Doctor of Philosophy 6/2013.
- Nguyễn Thanh Vân (2011). Language learner's and teachers' perceptions relating to learner autonomy: Are they ready for autonomous language learning? *VNU Journal of Science: Foreign Languages*, 27, tr. 41.
- Wenden, A.L, (1991). *Learner strategies for learner autonomy: planning and implementing learner training for language learners*. Hertfordshire: Prentice-Hall International.

AN OVERVIEW OF RESEARCH ON FOREIGN LANGUAGE LEARNING AUTONOMY IN VIETNAM

Dinh Thi Hong Thu

*Faculty of Chinese Language and Culture, VNU University of Languages and International Studies,
Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Abstract: A survey of articles and conference papers concerning research on foreign language learning autonomy published in major domestic journals and workshops in the past twelve years (2006-2017) leads to the following findings: (1) there has been a steady increase in the number of research articles; (2) students are the main research subjects; (3) current research mainly focuses on introducing, analyzing achievements in this field in the world and then suggesting solutions to students' learning autonomy in the context of Vietnam; (4) the prevailing research method is non-empirical; (5) research is gaining momentum. Directions for future research are also predicted.

Keywords: foreign language learning, research on autonomous learning, self - study, status quo, development trend